

Số: /QĐ-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030,
tầm nhìn đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Dữ liệu năm 2024;

Căn cứ Luật Chuyển đổi số năm 2025;

Căn cứ Luật Trí tuệ nhân tạo năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân năm 2025;

Căn cứ Luật Bảo vệ bí mật nhà nước năm 2018;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử năm 2023;

Căn cứ Luật An ninh mạng năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

Căn cứ Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/7/2025 của Chính phủ ban hành Kế hoạch hành động của Chính phủ về thúc đẩy tạo lập dữ liệu phục vụ chuyển đổi số toàn diện;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-CP ngày 11/4/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung, cập nhật Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22 tháng 12 năm 2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 165/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Dữ liệu;

Căn cứ Nghị định số 194/2025/NĐ-CP ngày 03/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giao dịch điện tử về cơ sở dữ liệu quốc gia, kết nối và chia sẻ dữ liệu, dữ liệu mở phục vụ giao dịch điện tử của cơ quan nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 278/2025/NĐ-CP ngày 22/10/2025 của Chính phủ quy định về kết nối, chia sẻ dữ liệu bắt buộc giữa các cơ quan thuộc hệ thống Chính trị;

Căn cứ Quyết định số 11/2026/QĐ-TTg ngày 28/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Danh mục cơ sở dữ liệu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2439/QĐ-TTg ngày 24/12/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc dữ liệu quốc gia, Khung quản trị, quản lý dữ liệu quốc gia và Tờ diễn dữ liệu dùng chung;

Căn cứ Quyết định số 1266/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia về chuyển đổi số giai đoạn 2026 - 2030, định hướng đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1308/QĐ-TTg ngày 18/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược dữ liệu quốc gia giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Quyết định số 1425/QĐ-TTg ngày 29/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Khung kiến trúc tổng thể quốc gia số (phiên bản 1.0);

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 3489/TTr-SKHCN ngày 14/8/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Chiến lược dữ liệu tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045, với các nội dung chính như sau:

I. QUAN ĐIỂM

1. Quán triệt, cụ thể hóa Chiến lược dữ liệu quốc gia; bảo đảm thống nhất, đồng bộ với các chiến lược, quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển của Trung ương và của tỉnh; phát huy tiềm năng, lợi thế, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh Quảng Trị trong từng giai đoạn.

2. Dữ liệu là tài sản chiến lược, nguồn tài nguyên số và yếu tố sản xuất mới quan trọng của tỉnh; là nền tảng cho phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số; thúc đẩy khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và trí tuệ nhân tạo, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị, năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế - xã hội nhanh, bền vững.

3. Lấy dữ liệu làm nền tảng trong quản trị, điều hành và ra quyết định; từng bước chuyển từ quản trị dựa trên kinh nghiệm sang quản trị dựa trên dữ liệu, lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ.

4. Phát triển dữ liệu đồng bộ với phát triển hạ tầng số, nền tảng số, ứng dụng số và nguồn nhân lực số; gắn kết chặt chẽ với phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo và chuyển đổi số, tạo động lực đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

5. Quản trị dữ liệu thống nhất, theo toàn bộ vòng đời; bảo đảm dữ liệu được tạo lập, chuẩn hóa, cập nhật, kết nối, chia sẻ và khai thác theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, thống nhất, có khả năng tái sử dụng; đồng thời bảo đảm an

toàn, an ninh dữ liệu và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân.

6. Thúc đẩy phát triển dữ liệu mở, dữ liệu dùng chung và hệ sinh thái dữ liệu; khuyến khích chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu hợp pháp, phát triển kinh tế dữ liệu, đổi mới sáng tạo và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo; huy động sự tham gia của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, tổ chức và người dân trong tạo lập, cung cấp, chia sẻ và khai thác giá trị từ dữ liệu.

7. Triển khai phát triển dữ liệu theo lộ trình phù hợp, có trọng tâm, trọng điểm; bảo đảm tính kế thừa, đồng bộ, liên thông và khả năng mở rộng; gắn kết chặt chẽ giữa định hướng chiến lược với tổ chức thực hiện nhằm phát huy giá trị của dữ liệu và nâng cao hiệu quả triển khai Chiến lược.

II. TẦM NHÌN

1. Đến năm 2030, Quảng Trị hoàn thiện nền tảng quản trị và hạ tầng dữ liệu, dữ liệu được chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác thống nhất và trở thành nền tảng quan trọng phục vụ quản trị nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số.

2. Hướng tới năm 2045, Quảng Trị hình thành hệ sinh thái dữ liệu hiện đại, mở, liên thông và an toàn; dữ liệu trở thành tài sản chiến lược và nguồn lực quan trọng của nền kinh tế; việc khai thác, phân tích và chia sẻ dữ liệu tạo ra giá trị mới, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, AI, nâng cao năng suất và năng lực cạnh tranh của tỉnh.

III. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu tổng quát

Xây dựng hệ sinh thái dữ liệu tỉnh Quảng Trị thống nhất, liên thông, an toàn, chất lượng và có khả năng khai thác hiệu quả; hình thành nền tảng quản trị dựa trên dữ liệu, nâng cao năng lực kết nối, chia sẻ và sử dụng dữ liệu trong toàn hệ thống chính trị, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và phát triển kinh tế dữ liệu, qua đó nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản trị nhà nước, năng lực cạnh tranh và chất lượng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Đến năm 2030

- Hoàn thiện thể chế, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định và mô hình quản trị dữ liệu của tỉnh, bảo đảm thống nhất, đồng bộ với quy định của Trung ương.

- Hoàn thiện hạ tầng dữ liệu, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu, kho dữ liệu dùng chung và các nền tảng quản trị dữ liệu, đáp ứng yêu cầu kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hoàn thành việc xây dựng, chuẩn hóa, quản trị và duy trì các cơ sở dữ liệu, dữ liệu dùng chung, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, dữ liệu giao dịch, dữ

liệu tổng hợp, phân tích và dữ liệu mở theo Khung kiến trúc dữ liệu của tỉnh.

- Phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu quản trị, quản lý, phân tích, khai thác và phát triển dữ liệu; hình thành văn hóa dữ liệu trong các cơ quan, tổ chức.

- Mở rộng kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; nâng cao hiệu quả ứng dụng dữ liệu trong quản trị, điều hành, cung cấp dịch vụ công và phát triển dữ liệu mở.

- Bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu trong toàn bộ vòng đời dữ liệu; tăng cường bảo vệ dữ liệu cá nhân, bí mật nhà nước và chủ quyền dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế dữ liệu, dịch vụ dữ liệu, đổi mới sáng tạo và ứng dụng trí tuệ nhân tạo trên cơ sở khai thác hiệu quả các nguồn dữ liệu của tỉnh.

b) Đến năm 2045

- Hệ thống dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu phát triển chính quyền số, kinh tế số và xã hội số; phục vụ hiệu quả công tác quản trị, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội.

- Dữ liệu được khai thác rộng rãi trong hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và xã hội; trở thành nền tảng cho dự báo, hoạch định chính sách, ra quyết định và cung cấp dịch vụ công thông minh.

- Hình thành đội ngũ nhân lực chất lượng cao về quản trị dữ liệu, khoa học dữ liệu và trí tuệ nhân tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

- Bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu cá nhân và chủ quyền dữ liệu trong toàn bộ vòng đời dữ liệu.

- Kinh tế dữ liệu và các ứng dụng trí tuệ nhân tạo trở thành động lực quan trọng thúc đẩy đổi mới sáng tạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển doanh nghiệp công nghệ số.

- Dữ liệu được khai thác hiệu quả, tạo giá trị mới trong quản trị nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống xã hội; góp phần nâng cao năng suất, chất lượng tăng trưởng và chất lượng cuộc sống của người dân.

Các chỉ tiêu chủ yếu đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định này.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

Để thực hiện các mục tiêu của Chiến lược, các nhiệm vụ và giải pháp được tổ chức triển khai theo các nhóm trọng tâm, bảo đảm tính đồng bộ, khả thi, phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh và yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội.

1. Hoàn thiện thể chế, chính sách về dữ liệu

a) Nhiệm vụ

Xây dựng, hoàn thiện và tổ chức thực hiện hệ thống thể chế, cơ chế, chính sách, tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định và mô hình quản trị, quản lý dữ liệu của tỉnh; xác lập cơ chế phối hợp, phân công trách nhiệm và thống nhất phương thức quản trị, quản lý dữ liệu trên phạm vi toàn tỉnh, tạo cơ sở pháp lý và tổ chức cho phát triển, quản lý và sử dụng dữ liệu.

b) Giải pháp

- Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản về dữ liệu. Sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc ban hành mới các cơ chế, chính sách, quy định về dữ liệu thuộc thẩm quyền; kịp thời cụ thể hóa các quy định của Trung ương, bảo đảm thống nhất, đồng bộ và phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Xây dựng và hoàn thiện mô hình quản trị, quản lý dữ liệu của tỉnh. Ban hành các quy chế, quy định về quản trị, quản lý dữ liệu; phân định rõ trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị; thiết lập cơ chế phối hợp, điều phối và giám sát trong công tác quản trị, quản lý dữ liệu trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy trình và quy định về dữ liệu. Xây dựng, ban hành hoặc áp dụng thống nhất các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ và quy định về dữ liệu, bảo đảm đồng bộ trong công tác quản trị, quản lý dữ liệu trên phạm vi toàn tỉnh.

- Hoàn thiện các quy định về quản lý dữ liệu theo vòng đời. Xây dựng và áp dụng thống nhất các quy định về quản lý dữ liệu trong toàn bộ vòng đời; quy định về quản lý chất lượng dữ liệu, siêu dữ liệu, dữ liệu chủ, dữ liệu dùng chung, dữ liệu mở và các loại dữ liệu khác theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện. Theo dõi, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện các cơ chế, chính sách, quy định và quy trình về dữ liệu; kịp thời phát hiện, xử lý khó khăn, vướng mắc và kiến nghị hoàn thiện các quy định đáp ứng yêu cầu quản lý.

- Nâng cao nhận thức và năng lực thực thi. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về dữ liệu; bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trong công tác quản trị, quản lý dữ liệu; nâng cao trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân trong việc thực hiện các quy định của pháp luật về dữ liệu.

2. Phát triển hạ tầng và nền tảng dữ liệu

a) Nhiệm vụ

Xây dựng, đầu tư, nâng cấp và vận hành hạ tầng và nền tảng dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý, tích hợp, điều phối, chia sẻ và phân tích dữ liệu; bảo đảm năng lực kỹ thuật phục vụ vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng dữ liệu của tỉnh.

b) Giải pháp

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật dữ liệu. Phát triển hạ tầng lưu trữ, tính toán, truyền dẫn, trung tâm dữ liệu, điện toán đám mây và các hạ tầng kỹ thuật liên quan, đáp ứng yêu cầu vận hành các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và nền tảng dữ liệu của tỉnh.

- Xây dựng và phát triển các nền tảng dữ liệu dùng chung của tỉnh, bao gồm nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP), nền tảng tích hợp, điều phối dữ liệu (LDOP), kho dữ liệu dùng chung, nền tảng quản trị dữ liệu, nền tảng siêu dữ liệu, nền tảng dữ liệu mở, nền tảng phân tích dữ liệu và các nền tảng dữ liệu chuyên dùng; bảo đảm khả năng mở rộng, tích hợp và kết nối với các nền tảng dữ liệu quốc gia và các hệ thống có liên quan.

- Ứng dụng công nghệ tiên tiến trong hạ tầng và nền tảng dữ liệu. Đẩy mạnh ứng dụng điện toán đám mây, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, điện toán hiệu năng cao và các công nghệ tiên tiến khác nhằm nâng cao năng lực lưu trữ, xử lý, tích hợp, điều phối, chia sẻ và phân tích dữ liệu.

- Nâng cao năng lực vận hành hạ tầng và nền tảng dữ liệu. Xây dựng và áp dụng các quy trình vận hành, giám sát, quản trị, bảo trì, sao lưu, dự phòng và khôi phục; tăng cường giám sát tập trung và điều phối vận hành các nền tảng dữ liệu, bảo đảm hạ tầng và nền tảng dữ liệu hoạt động ổn định, liên tục và đáp ứng yêu cầu phát triển.

- Huy động nguồn lực phát triển hạ tầng và nền tảng dữ liệu. Huy động các nguồn lực hợp pháp; tăng cường hợp tác công - tư trong đầu tư, phát triển và vận hành hạ tầng, nền tảng dữ liệu; ưu tiên sử dụng chung hạ tầng, nền tảng và dịch vụ dữ liệu nhằm nâng cao hiệu quả đầu tư và khai thác.

3. Phát triển dữ liệu

a) *Nhiệm vụ*

Phát triển hệ thống cơ sở dữ liệu và tập dữ liệu của tỉnh theo hướng đồng bộ, có trọng tâm, trọng điểm; mở rộng phạm vi và quy mô dữ liệu trên các lĩnh vực, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu sử dụng của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

b) *Giải pháp*

- Xây dựng và hoàn thiện các cơ sở dữ liệu. Phát triển cơ sở dữ liệu quốc gia được phân cấp quản lý, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu dùng chung và các tập dữ liệu phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước, phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát triển các nhóm dữ liệu cốt lõi. Hoàn thiện dữ liệu chủ, dữ liệu danh mục dùng chung, dữ liệu giao dịch, dữ liệu tổng hợp, dữ liệu phân tích và các tập dữ liệu chuyên đề phục vụ yêu cầu quản lý, chỉ đạo, điều hành và phát triển của tỉnh.

- Đẩy mạnh số hóa và mở rộng nguồn dữ liệu. Tăng cường số hóa hồ sơ, tài liệu; thu thập, cập nhật dữ liệu phát sinh từ hoạt động của các cơ quan, tổ chức và các nguồn dữ liệu hợp pháp khác để bổ sung, mở rộng hệ thống dữ liệu của tỉnh.

- Hoàn thiện, làm sạch và làm giàu dữ liệu. Thực hiện rà soát, chuẩn hóa, cập nhật, bổ sung, loại bỏ dữ liệu trùng lặp, sai lệch và liên kết dữ liệu nhằm nâng cao chất lượng, giá trị sử dụng của các cơ sở dữ liệu và tập dữ liệu.

- Phát triển dữ liệu theo lĩnh vực ưu tiên. Tập trung phát triển dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực có vai trò quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, chuyển đổi số, cải cách hành chính và nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.

- Ưu tiên khai thác, tái sử dụng dữ liệu đã có; hạn chế tối đa việc thu thập, tạo lập dữ liệu trùng lặp; bảo đảm nguyên tắc dữ liệu được tạo lập một lần, quản lý tại nguồn và chia sẻ, tái sử dụng theo thẩm quyền.

4. Phát triển nguồn nhân lực dữ liệu

a) *Nhiệm vụ*

Phát triển nguồn nhân lực dữ liệu có đủ trình độ chuyên môn, kỹ năng và năng lực đáp ứng yêu cầu triển khai Chiến lược dữ liệu của tỉnh; xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và chuyên gia có khả năng đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số và phát triển kinh tế - xã hội.

b) *Giải pháp*

- Phát triển đội ngũ nhân lực dữ liệu. Xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và chuyên gia có kiến thức, kỹ năng và năng lực chuyên môn về dữ liệu, đáp ứng yêu cầu của các ngành, lĩnh vực.

- Đổi mới công tác đào tạo, bồi dưỡng. Hoàn thiện nội dung, chương trình và phương thức đào tạo, bồi dưỡng theo hướng cập nhật kiến thức, kỹ năng về dữ liệu; tăng cường đào tạo theo vị trí việc làm và yêu cầu thực tiễn.

- Khuyến khích học tập và phát triển kỹ năng dữ liệu. Thúc đẩy học tập suốt đời, đào tạo lại, đào tạo nâng cao và tự học; tạo điều kiện để cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thường xuyên cập nhật kiến thức, kỹ năng mới.

- Thu hút và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao. Hoàn thiện cơ chế, chính sách thu hút, sử dụng và phát triển chuyên gia, nhà khoa học và nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực dữ liệu, đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh.

- Tăng cường hợp tác phát triển nguồn nhân lực dữ liệu. Mở rộng hợp tác giữa cơ quan nhà nước, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, doanh nghiệp và các tổ chức trong nước, quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu, chuyển giao tri thức và phát triển nguồn nhân lực dữ liệu.

5. Thúc đẩy kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và dữ liệu mở

a) Nhiệm vụ

Thúc đẩy kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và phát triển dữ liệu mở nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công, hỗ trợ hoạt động sản xuất, kinh doanh và đáp ứng nhu cầu khai thác dữ liệu của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân.

b) Giải pháp

- Thúc đẩy kết nối và chia sẻ dữ liệu. Mở rộng kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước; tăng cường kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu của bộ, ngành, địa phương và thực hiện chia sẻ dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng dữ liệu. Đẩy mạnh khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách, cải cách hành chính, cung cấp dịch vụ công, hoạt động sản xuất, kinh doanh và thúc đẩy ra quyết định dựa trên dữ liệu.

- Đa dạng hóa hình thức khai thác dữ liệu. Khuyến khích khai thác và sử dụng dữ liệu thông qua các nền tảng số, cổng dữ liệu, dịch vụ chia sẻ dữ liệu và các phương thức phù hợp với quy định của pháp luật nhằm mở rộng khả năng tiếp cận và sử dụng dữ liệu.

- Phát triển dữ liệu mở. Mở rộng phạm vi, nâng cao chất lượng và khả năng tiếp cận dữ liệu mở; ưu tiên công bố các tập dữ liệu mở có giá trị phục vụ người dân, doanh nghiệp và cộng đồng; tạo điều kiện thuận lợi để khai thác và tái sử dụng dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Tăng cường phối hợp trong khai thác và sử dụng dữ liệu. Đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức trong chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu; phát huy giá trị của dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

6. Bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu

a) Nhiệm vụ

Bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu trong toàn bộ vòng đời từ tạo lập, lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ, khai thác đến hủy bỏ dữ liệu; chủ động phòng ngừa, phát hiện, ứng phó và khắc phục các rủi ro, sự cố liên quan đến dữ liệu; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp và người dân, xây dựng môi trường dữ liệu an toàn, tin cậy phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và chuyển đổi số của tỉnh; áp dụng nguyên tắc quản lý truy cập, phân quyền, kiểm soát, giám sát và đánh giá rủi ro phù hợp với tính chất, mức độ quan trọng của dữ liệu.

b) Giải pháp

- Bảo vệ dữ liệu theo vòng đời. Thực hiện các biện pháp bảo vệ dữ liệu từ khâu tạo lập, lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ, khai thác đến lưu trữ lâu dài hoặc

hủy bỏ; bảo đảm dữ liệu được phân loại và áp dụng các biện pháp bảo vệ phù hợp với mức độ quan trọng và mức độ nhạy cảm.

- Nâng cao năng lực phòng ngừa, giám sát và cảnh báo. Tăng cường giám sát, phát hiện sớm, cảnh báo nguy cơ mất an toàn, an ninh dữ liệu; triển khai các giải pháp nhằm phòng ngừa các hành vi xâm phạm, thất thoát, rò rỉ và làm sai lệch dữ liệu.

- Tăng cường kiểm soát rủi ro và bảo vệ dữ liệu. Thường xuyên nhận diện, đánh giá và kiểm soát các rủi ro trong quá trình quản lý, lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu; bảo đảm tính bí mật, tính toàn vẹn và tính sẵn sàng của dữ liệu.

- Nâng cao năng lực ứng phó và phục hồi sau sự cố dữ liệu. Hoàn thiện năng lực ứng cứu, xử lý và khắc phục sự cố; tăng cường dự phòng, sao lưu và phục hồi dữ liệu, bảo đảm duy trì hoạt động liên tục của các hệ thống dữ liệu.

- Tăng cường phối hợp bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu. Đẩy mạnh phối hợp giữa các cơ quan, tổ chức trong triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu; nâng cao hiệu quả bảo vệ dữ liệu đáp ứng yêu cầu phát triển dữ liệu số của tỉnh.

7. Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo

a) Nhiệm vụ

Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo; tăng cường nghiên cứu, phát triển, chuyển giao và ứng dụng các công nghệ dữ liệu tiên tiến; mở rộng hợp tác trong nước và quốc tế nhằm hình thành các sản phẩm, dịch vụ, mô hình và giá trị mới từ dữ liệu, góp phần phát triển kinh tế số, xã hội số và nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh.

b) Giải pháp

- Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo về dữ liệu. Khuyến khích nghiên cứu, phát triển các mô hình, giải pháp, sản phẩm và sáng kiến mới dựa trên dữ liệu; thúc đẩy chuyển giao và ứng dụng kết quả nghiên cứu vào thực tiễn.

- Thúc đẩy ứng dụng trí tuệ nhân tạo và các công nghệ dữ liệu mới. Nghiên cứu, thử nghiệm và từng bước ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, chuỗi khối, bản sao số, công nghệ tăng cường bảo vệ quyền riêng tư và các công nghệ dữ liệu tiên tiến khác phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo về dữ liệu. Khuyến khích hình thành mạng lưới hợp tác giữa cơ quan nhà nước, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và các tổ chức khoa học và công nghệ; thúc đẩy các mô hình thử nghiệm (sandbox), chuyển giao công nghệ và đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực dữ liệu.

- Thúc đẩy phát triển kinh tế dữ liệu. Khuyến khích phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh dựa trên dữ liệu; từng bước hình thành thị trường dữ liệu, thúc đẩy khai thác hợp pháp và gia tăng giá trị dữ liệu theo quy định của pháp luật.

- Mở rộng hợp tác và hội nhập về dữ liệu. Tăng cường hợp tác với các bộ, ngành, địa phương, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu và các tổ chức trong nước, quốc tế trong nghiên cứu, chuyển giao công nghệ, trao đổi tri thức và triển khai các chương trình, dự án về dữ liệu; chủ động tiếp thu các xu hướng, mô hình và kinh nghiệm tiên tiến nhằm nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo và hội nhập.

Các nhiệm vụ trọng tâm giai đoạn 2026-2030 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định này.

V. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện Chiến lược được bố trí từ nguồn ngân sách nhà nước theo phân cấp ngân sách hiện hành; được lồng ghép với các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, cải cách hành chính và các chương trình, dự án khác có liên quan nhằm sử dụng hiệu quả nguồn lực.

2. Khuyến khích huy động các nguồn lực hợp pháp từ doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân, hợp tác công tư (PPP), hợp tác quốc tế và các nguồn lực hợp pháp khác để triển khai các nhiệm vụ của Chiến lược theo quy định của pháp luật.

3. Ưu tiên bố trí nguồn lực để triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách của Chiến lược, nhất là phát triển hạ tầng dữ liệu, Kho dữ liệu số, các nền tảng dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu, dữ liệu mở, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu.

4. Việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện các nhiệm vụ của Chiến lược được thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và các quy định của pháp luật có liên quan.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là cơ quan đầu mối tham mưu UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; chủ trì xây dựng kế hoạch triển khai theo từng giai đoạn và hằng năm; hướng dẫn, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Chủ trì nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền ban hành các cơ chế, chính sách, chương trình, kế hoạch và giải pháp triển khai Chiến lược; hướng

dẫn chuyên môn, nghiệp vụ về phát triển, quản trị, quản lý dữ liệu trên địa bàn tỉnh.

c) Chủ trì phối hợp với Công an tỉnh, Sở Tài chính và các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai Chiến lược; kịp thời tổng hợp, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc phát sinh.

d) Chủ trì sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Chiến lược; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh và cơ quan có thẩm quyền theo quy định; đề xuất điều chỉnh Chiến lược khi cần thiết.

2. Công an tỉnh

a) Chủ trì thực hiện các nhiệm vụ về quản lý nhà nước đối với dữ liệu theo quy định của pháp luật; phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ trong tổ chức triển khai Chiến lược.

b) Chủ trì hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu và quản lý rủi ro về dữ liệu; phối hợp phát hiện, cảnh báo, ứng phó và xử lý sự cố liên quan đến dữ liệu theo quy định.

c) Phối hợp với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã trong kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng và bảo vệ dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

d) Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước về dữ liệu; định kỳ hoặc đột xuất báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

3. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí thực hiện Chiến lược theo phân cấp ngân sách nhà nước và khả năng cân đối ngân sách.

b) Hướng dẫn việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Chiến lược theo quy định của pháp luật; phối hợp kiểm tra việc quản lý, sử dụng kinh phí, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm.

4. Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch và tổ chức triển khai thực hiện Chiến lược; lồng ghép các nhiệm vụ của Chiến lược vào chương trình, kế hoạch, đề án, dự án của cơ quan, đơn vị, địa phương.

b) Tổ chức quản trị, phát triển, chuẩn hóa, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng và bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và các quy định về quản trị, quản lý dữ liệu của tỉnh.

c) Chủ động bố trí nguồn lực, kiện toàn tổ chức, phân công đầu mối và nâng cao năng lực đội ngũ để thực hiện các nhiệm vụ về dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.

d) Thực hiện chế độ theo dõi, đánh giá, báo cáo định kỳ hoặc đột xuất về tình hình, kết quả thực hiện Chiến lược theo quy định.

5. Doanh nghiệp, cơ sở giáo dục, viện nghiên cứu, tổ chức và cá nhân có liên quan

a) Chủ động tham gia nghiên cứu, phát triển, ứng dụng, chuyển giao công nghệ, cung cấp sản phẩm, dịch vụ và giải pháp về dữ liệu; thúc đẩy đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế dữ liệu theo quy định của pháp luật.

b) Phối hợp với các cơ quan nhà nước trong triển khai các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ của Chiến lược; tham gia góp ý, phản biện, đề xuất sáng kiến nhằm nâng cao hiệu quả phát triển, quản trị, khai thác và sử dụng dữ liệu.

c) Tham gia đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, truyền thông, phổ biến kiến thức về dữ liệu; tăng cường hợp tác, huy động nguồn lực và chia sẻ kinh nghiệm phục vụ triển khai Chiến lược.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ, Giám đốc Công an tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch UBND xã, phường, đặc khu và tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Công an;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PVP Lê Hữu Phước;
- TTĐHTT, TTHCC tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX._{PTTP}

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hoàng Xuân Tân

Phụ lục I

**CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU THUỘC CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU TỈNH
QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Quảng Trị)*

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
A	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030		
I	Nhóm mục tiêu về hoàn thiện thể chế và quản trị dữ liệu		
1.	100% văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền của tỉnh có liên quan đến quản lý, quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu được rà soát, đánh giá; kịp thời sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ những nội dung không còn phù hợp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
2.	100% các khung, quy chế, quy định về quản trị, quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu cấp tỉnh được ban hành và áp dụng thống nhất.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
3.	100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh ban hành hoặc cập nhật quy chế quản lý, khai thác, chia sẻ, sử dụng và bảo vệ dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
4.	100% cơ sở dữ liệu thuộc Danh mục cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được ban hành, cập nhật và thực hiện quy chế quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
5.	100% cơ sở dữ liệu dùng chung của tỉnh được ban hành hoặc cập nhật quy chế quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ và khai thác theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
II	Nhóm mục tiêu về phát triển hạ tầng và nền tảng dữ liệu		
6.	100% hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của tỉnh đủ điều kiện kết nối với Nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP) theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
7.	100% hoạt động tích hợp, điều phối và chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh được thực hiện thông qua Nền tảng tích hợp, điều phối dữ liệu địa phương (LDOP).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành
8.	100% nền tảng dữ liệu dùng chung thuộc Danh mục nền tảng dữ liệu của tỉnh được	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
	triển khai, vận hành theo kiến trúc được phê duyệt và đáp ứng các yêu cầu kỹ thuật, an toàn, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu theo quy định		
9.	Tối thiểu 90% yêu cầu kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu giữa các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi áp dụng được thực hiện thông qua các nền tảng, dịch vụ dữ liệu dùng chung của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
10.	100% hạ tầng dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu về khả năng mở rộng, tính sẵn sàng cao, dự phòng và phục hồi sau sự cố theo Khung kiến trúc dữ liệu tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành
11.	100% hạ tầng và nền tảng dữ liệu của tỉnh được giám sát, quản trị và vận hành tập trung, bảo đảm hoạt động ổn định, liên tục và an toàn.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành
III	Nhóm mục tiêu về phát triển dữ liệu		
12.	100% cơ sở dữ liệu của tỉnh theo danh mục được phê duyệt được xây dựng, cập nhật và quản lý theo quy định.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã
13.	100% dữ liệu thuộc các cơ sở dữ liệu của tỉnh được chuẩn hóa theo tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định và mô hình dữ liệu thống nhất.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã
14.	100% dữ liệu của tỉnh được quản lý, duy trì chất lượng và quản lý theo vòng đời dữ liệu theo quy định.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã
15.	100% dữ liệu dùng chung của tỉnh được quản lý tập trung, đồng bộ, sẵn sàng kết nối, chia sẻ và khai thác theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành
16.	100% dữ liệu mở được rà soát, phân loại và cập nhật vào Danh mục dữ liệu mở của tỉnh theo quy định.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
17.	100% dữ liệu của tỉnh được cập nhật, duy trì và sẵn sàng phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ
IV	Nhóm mục tiêu về phát triển nguồn nhân lực dữ liệu		
18.	100% sở, ban, ngành, UBND cấp xã bố trí cán bộ làm đầu mối hoặc trực tiếp phụ trách công tác quản trị dữ liệu theo quy định.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
19.	100% cán bộ làm đầu mối hoặc trực tiếp phụ trách công tác quản trị dữ liệu của sở, ban, ngành, UBND cấp xã được đào tạo, bồi dưỡng về quản trị dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
20.	Cán bộ, công chức, viên chức thuộc đối tượng được xác định theo vị trí việc làm được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng khai thác và sử dụng dữ liệu phù hợp với yêu cầu công việc.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh
21.	100% cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh ban hành và triển khai các nội dung thúc đẩy sử dụng dữ liệu trong quản lý, chỉ đạo, điều hành và cung cấp dịch vụ công	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh
V	Nhóm mục tiêu về kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và dữ liệu mở		
22.	100% hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh đủ điều kiện được kết nối, chia sẻ dữ liệu thông qua các nền tảng tích hợp, chia sẻ, điều phối (LGSP, LDOP) theo quy định.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
23.	100% hệ thống dữ liệu số thuộc Danh mục hệ thống, cơ sở dữ liệu cần kết nối với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin của bộ, ngành Trung ương được kết nối, đồng bộ, chia sẻ theo quy định	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành
24.	100% dữ liệu thuộc danh mục dữ liệu dùng chung của tỉnh được chia sẻ, khai thác theo quy định, bảo đảm đúng thẩm quyền, mục đích và phạm vi sử dụng.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã
25.	100% dữ liệu mở thuộc danh mục dữ liệu mở của tỉnh được công bố, cập nhật trên Cổng dữ liệu của tỉnh theo quy định.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
26.	100% dữ liệu mở được cung cấp dưới định dạng mở, bảo đảm khả năng khai thác và tái sử dụng theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành
VI	Nhóm mục tiêu về bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu		
27.	100% hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu của tỉnh được phê duyệt cấp độ và triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, an toàn và an ninh dữ liệu theo quy định.	Các cơ quan quản lý hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu	Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ
28.	100% cơ sở dữ liệu quan trọng và hệ thống dữ liệu số trọng yếu của tỉnh được giám sát, cảnh báo, sao lưu, dự phòng và bảo đảm khả năng phục hồi khi xảy ra sự cố theo quy định.	Các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống dữ liệu số	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
29.	100% dữ liệu của tỉnh được quản lý, bảo vệ và kiểm soát trong toàn bộ vòng đời dữ liệu theo quy định.	Các sở, ban, ngành	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã
30.	100% hoạt động kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu được thực hiện theo các yêu cầu về bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu, bảo vệ dữ liệu và kiểm soát quyền truy cập.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Công an tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ
VII	Nhóm mục tiêu về đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo		
31.	100% dữ liệu thuộc phạm vi cung cấp, chia sẻ theo quy định của các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, y tế, an sinh xã hội và các lĩnh vực trọng điểm của tỉnh được cung cấp, chia sẻ phục vụ đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.	Các sở, ban, ngành quản lý cơ sở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ
32.	100% bộ dữ liệu phục vụ phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo của tỉnh được chuẩn hóa, làm sạch, gắn nhãn và quản lý theo quy định.	Các sở, ban, ngành quản lý cơ sở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ
33.	Tối thiểu 70% hệ thống thông tin, nền tảng số và dịch vụ số thuộc phạm vi ưu tiên của tỉnh được ứng dụng trí tuệ nhân tạo phục vụ quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công.	Các sở, ban, ngành quản lý hệ thống thông tin, nền tảng số, dịch vụ số thuộc phạm vi ưu tiên	Sở Khoa học và Công nghệ
34.	Hình thành tối thiểu 10 sản phẩm, dịch vụ dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp và cơ quan nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành
35.	Có tối thiểu 20 doanh nghiệp khai thác dữ liệu của tỉnh để phát triển sản phẩm, dịch vụ số và mô hình kinh doanh mới.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành
B	MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2045		
36.	100% hoạt động lãnh đạo, chỉ đạo, quản trị và điều hành của các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ bởi dữ liệu và trí tuệ nhân tạo.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ
37.	100% dịch vụ công đủ điều kiện được cung cấp theo hướng chủ động, thông minh và cá nhân hóa trên cơ sở khai thác dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Văn phòng UBND tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ
38.	100% dữ liệu cốt lõi, dữ liệu quan trọng và	Các sở, ban,	Công an tỉnh,

STT	Chỉ tiêu cụ thể	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp
	nền tảng số trọng yếu của tỉnh được sao lưu, dự phòng và bảo đảm khả năng phục hồi theo quy định.	ngành quản lý cơ sở dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ
39.	100% cơ sở dữ liệu dùng chung và cơ sở dữ liệu chuyên ngành của tỉnh được kết nối, chia sẻ và khai thác theo quy định phục vụ phát triển chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã
40.	Tỉnh Quảng Trị đạt Cấp độ 5 về mức độ trưởng thành quản trị dữ liệu theo Khung đánh giá do cơ quan có thẩm quyền ban hành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã

Phụ lục II

**DANH MỤC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM CHIẾN LƯỢC DỮ LIỆU
TỈNH QUẢNG TRỊ GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**

*(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2026
của UBND tỉnh Quảng Trị)*

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
I.	Hoàn thiện thể chế, chính sách về dữ liệu				
1.	Rà soát, hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách về quản lý, quản trị, kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng và bảo vệ dữ liệu thuộc thẩm quyền của tỉnh, bảo đảm thống nhất với quy định của Trung ương và yêu cầu phát triển dữ liệu của tỉnh.	Báo cáo rà soát; văn bản quy phạm pháp luật, cơ chế, chính sách được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ theo thẩm quyền.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tư pháp, Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên
2.	Ban hành, cập nhật Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và các quy định về quản trị dữ liệu của tỉnh, bảo đảm thống nhất trong quản lý, vận hành và khai thác dữ liệu.	Quyết định của UBND tỉnh ban hành hoặc cập nhật Khung kiến trúc dữ liệu, Khung quản trị, quản lý dữ liệu và các quy định về quản trị dữ liệu của tỉnh.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 và thường xuyên
3.	Ban hành, cập nhật Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu số của tỉnh; hướng dẫn các cơ quan, đơn vị xây dựng và thực hiện quy chế quản lý dữ liệu thuộc phạm vi quản lý.	Quy chế quản lý, vận hành, kết nối, chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu số của tỉnh; quy chế quản lý dữ liệu của các cơ quan, đơn vị được ban hành, cập nhật theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026 và thường xuyên
4.	Xây dựng, cập nhật và công bố các danh mục dữ liệu của tỉnh theo quy định, bảo đảm	Các danh mục dữ liệu của tỉnh được ban hành, cập nhật và công bố theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND	2026 và thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	thống nhất trong quản lý, kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu.		nghệ	cấp xã	
5.	Tổ chức triển khai, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, quy trình và hướng dẫn về dữ liệu; định kỳ đánh giá, đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách về dữ liệu.	Văn bản triển khai, hướng dẫn; báo cáo kiểm tra, giám sát, đánh giá định kỳ và kiến nghị hoàn thiện cơ chế, chính sách về dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên
II. Phát triển hạ tầng và nền tảng dữ liệu					
6.	Phát triển, nâng cấp hạ tầng trung tâm dữ liệu của tỉnh đáp ứng yêu cầu lưu trữ, xử lý, quản lý, chia sẻ, khai thác dữ liệu; bảo đảm khả năng mở rộng, tính sẵn sàng, an toàn và hoạt động ổn định.	Hạ tầng trung tâm dữ liệu của tỉnh được đầu tư, nâng cấp và đưa vào vận hành đáp ứng yêu cầu phát triển dữ liệu.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành và đơn vị liên quan	2026-2030
7.	Xây dựng, phát triển Kho dữ liệu số tỉnh, bao gồm Kho dữ liệu dùng chung, Kho dữ liệu phục vụ phân tích, dự báo và Kho dữ liệu phục vụ ứng dụng trí tuệ nhân tạo.	Kho dữ liệu số tỉnh được xây dựng, vận hành và khai thác hiệu quả; các kho dữ liệu chuyên dụng được hình thành, cập nhật và mở rộng; bảo đảm không trùng lặp với các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và phù hợp kiến trúc dữ liệu được phê duyệt	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	2026-2030
8.	Phát triển các nền tảng quản lý, tích hợp, điều phối, chia sẻ, quản trị và điều hành dữ liệu; các nền tảng số dùng chung của tỉnh, bảo đảm kết nối thông suốt với nền tảng số và cơ	Các nền tảng quản lý, tích hợp, điều phối, chia sẻ, quản trị và điều hành dữ liệu; các nền tảng số dùng chung của tỉnh được xây dựng, nâng cấp và vận hành ổn định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành	2026-2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	sở dữ liệu quốc gia.				
9.	Phát triển hạ tầng lưu trữ, tính toán, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao và hạ tầng kỹ thuật phục vụ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số mới.	Hạ tầng lưu trữ, tính toán, điện toán đám mây, hạ tầng tính toán hiệu năng cao và hạ tầng kỹ thuật phục vụ dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo được đầu tư, mở rộng và đưa vào khai thác.	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính, các sở, ban, ngành, doanh nghiệp công nghệ số	2027-2030
10.	Phát triển các nền tảng phân tích dữ liệu, trí tuệ doanh nghiệp (BI), bảng điều khiển (Dashboard) và hệ thống hỗ trợ ra quyết định phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành dựa trên dữ liệu.	Các nền tảng phân tích dữ liệu, BI, Dashboard và hệ thống hỗ trợ ra quyết định được triển khai và khai thác hiệu quả trong các cơ quan nhà nước.	Sở Khoa học và Công nghệ	Văn phòng UBND tỉnh, các sở, ban, ngành	2027–2030
11.	Kết nối hạ tầng dữ liệu, nền tảng số và hệ thống thông tin của tỉnh với hạ tầng dữ liệu, nền tảng số, cơ sở dữ liệu quốc gia và hệ thống thông tin của các bộ, ngành theo quy định, bảo đảm kết nối liên thông, an toàn và hiệu quả.	Hạ tầng dữ liệu, nền tảng số và hệ thống thông tin của tỉnh được kết nối, liên thông với hạ tầng dữ liệu, nền tảng số và cơ sở dữ liệu quốc gia; các kết nối kỹ thuật được duy trì, vận hành ổn định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành	Thường xuyên
III. Phát triển dữ liệu					
12.	Xây dựng, hoàn thiện, cập nhật các cơ sở dữ liệu của tỉnh theo danh mục được phê duyệt, bảo đảm đồng bộ, thống nhất, đáp ứng yêu cầu quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công và phát triển kinh tế - xã hội.	Các cơ sở dữ liệu của tỉnh được xây dựng, hoàn thiện, cập nhật và đưa vào khai thác theo kế hoạch.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã	2026-2030
13.	Chuẩn hóa, làm sạch, cập nhật, đồng bộ và	Dữ liệu được chuẩn hóa, làm sạch, đồng	Các sở, ban,	Sở Khoa học và	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	nâng cao chất lượng dữ liệu; bảo đảm dữ liệu đầy đủ, chính xác, nhất quán, kịp thời và có khả năng chia sẻ, tái sử dụng.	bộ; chất lượng dữ liệu được kiểm soát và cải thiện thường xuyên.	ngành	Công nghệ, UBND cấp xã	
14.	Xây dựng, cập nhật và quản lý danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu (metadata), từ điển dữ liệu, mô hình dữ liệu và các tiêu chuẩn, chuẩn dữ liệu của tỉnh, bảo đảm thống nhất trong tạo lập và quản lý dữ liệu.	Danh mục dữ liệu, siêu dữ liệu, từ điển dữ liệu, mô hình dữ liệu và chuẩn dữ liệu của tỉnh được ban hành, cập nhật và áp dụng thống nhất.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	2026-2030
15.	Phát triển dữ liệu dùng chung, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, dữ liệu giao dịch và dữ liệu tổng hợp, phân tích theo Khung kiến trúc dữ liệu của tỉnh.	Các tập dữ liệu dùng chung, dữ liệu chủ, dữ liệu tham chiếu, dữ liệu giao dịch và dữ liệu tổng hợp, phân tích được hình thành, cập nhật và quản lý thống nhất.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã	2026-2030
16.	Phát triển dữ liệu mở của tỉnh; mở rộng phạm vi công bố, cập nhật dữ liệu mở phục vụ người dân, doanh nghiệp, nghiên cứu, đổi mới sáng tạo và phát triển kinh tế số.	Danh mục dữ liệu mở và các tập dữ liệu mở của tỉnh được cập nhật, công bố và mở rộng theo kế hoạch.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành	2026-2030
17.	Quản lý vòng đời dữ liệu; thực hiện phân loại, gắn nhãn, cập nhật, lưu trữ, bảo quản, lưu trữ lâu dài và hủy dữ liệu theo quy định.	Quy trình quản lý vòng đời dữ liệu được ban hành và áp dụng; dữ liệu được quản lý thống nhất trong toàn bộ vòng đời.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã	2026-2030
18.	Định kỳ kiểm tra, đánh giá chất lượng dữ liệu, mức độ hoàn thiện cơ sở dữ liệu và kết quả phát triển dữ liệu; thực	Báo cáo đánh giá chất lượng dữ liệu; kế hoạch và kết quả cải thiện chất lượng dữ liệu hằng năm.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	hiện cải tiến, bổ sung dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản trị, điều hành và phát triển của tỉnh.			cấp xã	
IV.	Phát triển nguồn nhân lực dữ liệu				
19.	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng về dữ liệu, quản trị dữ liệu, phân tích dữ liệu, trí tuệ nhân tạo và các công nghệ số mới cho cán bộ, công chức, viên chức.	Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm được ban hành và triển khai; cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nội vụ	Thường xuyên
20.	Kiến toàn, bố trí cán bộ đầu mối hoặc phụ trách công tác quản trị dữ liệu tại các sở, ban, ngành, UBND cấp xã đáp ứng yêu cầu triển khai nhiệm vụ.	Cán bộ đầu mối về dữ liệu được kiến toàn, bố trí tại các cơ quan, đơn vị, địa phương theo yêu cầu triển khai.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Nội vụ, Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	2026-2030
21.	Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đầu mối về dữ liệu, cán bộ quản trị dữ liệu, chuyên gia và nhân lực kỹ thuật về dữ liệu đáp ứng yêu cầu quản trị, quản lý, vận hành, phân tích, khai thác và phát triển dữ liệu.	Chương trình đào tạo chuyên sâu được triển khai; cán bộ đầu mối về dữ liệu, cán bộ quản trị dữ liệu và nhân lực kỹ thuật về dữ liệu được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.	Sở Khoa học và Công nghệ	Công an tỉnh, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, cơ sở đào tạo	2026–2030
22.	Phát triển kỹ năng dữ liệu cho người dân; nâng cao nhận thức về dữ liệu, kỹ năng khai thác dữ liệu số và bảo vệ dữ liệu cá nhân trong môi trường số.	Các chương trình phổ cập kỹ năng dữ liệu cho người dân được triển khai trên địa bàn tỉnh.	Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội và đơn vị liên quan	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
23.	Hỗ trợ doanh nghiệp phát triển năng lực quản trị dữ liệu, phân tích dữ liệu, ứng dụng trí tuệ nhân tạo và khai thác dữ liệu phục vụ đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và phát triển kinh tế số.	Các chương trình hỗ trợ, đào tạo, tư vấn về dữ liệu cho doanh nghiệp được triển khai.	Các sở quản lý ngành, lĩnh vực	Sở Khoa học và Công nghệ, Hiệp hội Doanh nghiệp tỉnh và các tổ chức liên quan	2026-2030
24.	Tăng cường hợp tác với các cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ số, chuyên gia trong nước và quốc tế nhằm đào tạo, phát triển nguồn nhân lực dữ liệu chất lượng cao và chuyển giao tri thức, công nghệ.	Các chương trình, thỏa thuận hợp tác; hoạt động đào tạo, chuyển giao tri thức và công nghệ được triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, cơ sở giáo dục đại học, viện nghiên cứu, doanh nghiệp công nghệ số	2026-2030
25.	Xây dựng, phát triển mạng lưới chuyên gia, cộng đồng thực hành về dữ liệu; thúc đẩy chia sẻ kinh nghiệm, tư vấn, hỗ trợ triển khai Chiến lược dữ liệu trên địa bàn tỉnh.	Mạng lưới chuyên gia, cộng đồng thực hành về dữ liệu được hình thành, duy trì và phát huy hiệu quả.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, cơ sở đào tạo, hiệp hội nghề nghiệp, doanh nghiệp công nghệ số	2026-2030
V.	Thúc đẩy kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và dữ liệu mở				
26.	Thực hiện kết nối, chia sẻ, đồng bộ dữ liệu giữa các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin trong tỉnh với cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ	Các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin được kết nối, chia sẻ và đồng bộ dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước, cung cấp dịch vụ công	Các cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu, hệ thống	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	liệu của các bộ, ngành và giữa các cơ quan trong tỉnh theo quy định.	và phát triển kinh tế - xã hội.	thông tin		
27.	Thúc đẩy khai thác, sử dụng dữ liệu trong hoạt động quản lý nhà nước; tăng cường chỉ đạo, điều hành, giám sát, dự báo và ra quyết định dựa trên dữ liệu tại các cơ quan, đơn vị.	Dữ liệu được khai thác hiệu quả trong quản lý, điều hành; các mô hình quản trị dựa trên dữ liệu được triển khai và nhân rộng.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	Thường xuyên
28.	Thúc đẩy chia sẻ, khai thác và sử dụng dữ liệu giữa cơ quan nhà nước với người dân, doanh nghiệp; phát triển các dịch vụ dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp và đổi mới sáng tạo.	Các dịch vụ, nền tảng khai thác dữ liệu được triển khai; người dân và doanh nghiệp được tạo điều kiện thuận lợi trong tiếp cận, khai thác và sử dụng dữ liệu theo quy định.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã, các tổ chức liên quan	2026-2030
29.	Mở rộng công bố, cung cấp, khai thác và tái sử dụng dữ liệu mở; nâng cao chất lượng dữ liệu mở phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, nghiên cứu khoa học, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.	Danh mục dữ liệu mở và các tập dữ liệu mở được mở rộng; dữ liệu mở được công bố, cập nhật và tái sử dụng hiệu quả.	Các sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ, UBND cấp xã	2026-2030
30.	Thúc đẩy phát triển các sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng khai thác dữ liệu; phát triển hệ sinh thái dữ liệu, thị trường dữ liệu và kinh tế dữ liệu theo quy định của pháp luật.	Các sản phẩm, dịch vụ, ứng dụng dữ liệu được phát triển; hệ sinh thái dữ liệu, thị trường dữ liệu và kinh tế dữ liệu từng bước được hình thành.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp công nghệ số	2026-2030
31	Theo dõi, đánh giá hiệu quả kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và dữ liệu mở; hoàn thiện cơ chế, quy	Báo cáo đánh giá định kỳ; các giải pháp nâng cao hiệu quả kết nối, chia sẻ, khai thác, sử dụng dữ liệu và dữ liệu	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	trình, tiêu chuẩn và giải pháp nâng cao hiệu quả khai thác dữ liệu.	mở được triển khai.			
VI.	Bảo đảm an toàn, an ninh dữ liệu				
32.	Triển khai các biện pháp bảo đảm an toàn dữ liệu trong toàn bộ vòng đời dữ liệu theo quy định của pháp luật.	Các biện pháp bảo đảm an toàn dữ liệu được triển khai trong hoạt động thu thập, tạo lập, lưu trữ, xử lý, kết nối, chia sẻ, khai thác và hủy dữ liệu.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Thường xuyên
33.	Tăng cường bảo vệ dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ và khai thác dữ liệu được quản lý, sử dụng an toàn, đúng quy định của pháp luật.	Các giải pháp bảo vệ dữ liệu trong quá trình kết nối, chia sẻ và khai thác được triển khai đồng bộ; dữ liệu được quản lý, sử dụng an toàn và tin cậy.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	2026-2030
34.	Tăng cường giám sát, kiểm tra, đánh giá việc bảo đảm an toàn dữ liệu; kịp thời phát hiện, cảnh báo, ứng phó và xử lý các nguy cơ, sự cố liên quan đến dữ liệu.	Hoạt động giám sát, kiểm tra, đánh giá được thực hiện thường xuyên; các nguy cơ, sự cố về dữ liệu được phát hiện, cảnh báo, ứng phó và xử lý kịp thời; báo cáo định kỳ về công tác bảo đảm an toàn dữ liệu.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên
35.	Nâng cao nhận thức, trách nhiệm và tuân thủ quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn dữ liệu; xây dựng văn hóa bảo vệ dữ liệu trong các cơ quan nhà nước.	Các chương trình tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn được triển khai thường xuyên; nhận thức, trách nhiệm và mức độ tuân thủ quy định về bảo đảm an toàn dữ liệu được nâng cao; văn hóa bảo vệ dữ liệu từng bước được hình thành trong các cơ quan nhà nước.	Công an tỉnh	Sở Khoa học và Công nghệ, các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên
36.	Đánh giá, quản lý rủi	Hoạt động đánh giá,	Cơ quan	Sở Khoa	Thường

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	ro và rà soát an toàn dữ liệu; kịp thời phát hiện, khắc phục các nguy cơ, lỗ hổng trong quản lý, khai thác và sử dụng dữ liệu.	quản lý rủi ro và rà soát an toàn dữ liệu được thực hiện định kỳ; các nguy cơ, lỗ hổng được phát hiện và khắc phục kịp thời.	quản trị, quản lý hệ thống dữ liệu số	học và Công nghệ, Công an tỉnh	xuyên
37.	Triển khai, duy trì, nâng cấp các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn dữ liệu; thực hiện sao lưu, phục hồi dữ liệu, kiểm soát truy cập và các biện pháp bảo vệ dữ liệu theo quy định của pháp luật.	Các giải pháp kỹ thuật bảo đảm an toàn dữ liệu được triển khai đồng bộ; dữ liệu được sao lưu, phục hồi và bảo vệ an toàn trong quá trình quản lý, khai thác, sử dụng.	Cơ quan quản trị, quản lý hệ thống dữ liệu số	Sở Khoa học và Công nghệ, Công an tỉnh	Thường xuyên
VII.	Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo				
38.	Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển và ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và các công nghệ số mới trong hoạt động của cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và các lĩnh vực kinh tế - xã hội.	Các chương trình, mô hình, giải pháp ứng dụng trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn và công nghệ số mới được triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	2026-2030
39.	Rà soát, đề xuất và triển khai các bài toán trọng điểm về dữ liệu và trí tuệ nhân tạo thuộc phạm vi quản lý của từng ngành, lĩnh vực và địa phương.	Danh mục bài toán trọng điểm; các mô hình ứng dụng dữ liệu và trí tuệ nhân tạo được triển khai trong các ngành, lĩnh vực và địa phương.	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Sở Khoa học và Công nghệ	2026-2030
40	Thúc đẩy đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu; hỗ trợ phát triển các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp ứng dụng dữ liệu phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.	Các chương trình, dự án, sản phẩm, dịch vụ và giải pháp đổi mới sáng tạo dựa trên dữ liệu được triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, doanh nghiệp công nghệ số	2026-2030
41.	Thúc đẩy phát triển kinh tế dữ liệu trong	Các mô hình khai thác, sử dụng dữ liệu tạo giá	Các sở, ban,	Sở Khoa học và	2026-2030

STT	Tên nhiệm vụ	Sản phẩm đầu ra	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	các ngành, lĩnh vực và địa phương; khai thác, sử dụng dữ liệu hợp pháp để tạo giá trị gia tăng, nâng cao năng suất, chất lượng, năng lực cạnh tranh và phát triển kinh tế số.	trị gia tăng được triển khai; kinh tế dữ liệu từng bước được phát triển trong các ngành, lĩnh vực và địa phương.	ngành, UBND cấp xã	Công nghệ	
42.	Theo dõi, đánh giá hiệu quả đổi mới sáng tạo, phát triển kinh tế dữ liệu và ứng dụng trí tuệ nhân tạo; đề xuất hoàn thiện cơ chế, chính sách và giải pháp thúc đẩy phát triển.	Báo cáo đánh giá định kỳ; các cơ chế, chính sách và giải pháp được rà soát, hoàn thiện và triển khai.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND cấp xã	Thường xuyên